

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Securities Depository*
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ *Authorised Participants and Investors*

1. Tên CTQLQ/*Fund management Company*:

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

/ I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company

2. Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng Vietcombank3. Mã chứng khoán/ *Securities code*: FUEIP1004. Tên quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF IPAAM VN1005. Địa chỉ trụ sở chính/ *Main office address*: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.6. Ngày giao dịch hoán đổi/*Exchange Date*: 14/08/20247. Đơn vị tính/*Unit*: 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ *1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.***Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/****Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:**

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	Quantity	Weight
I.	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	1,900	5.21%
2	BCG	300	0.22%
3	BID	100	0.54%
4	BVH	100	0.50%
5	CTG	400	1.48%
6	DBC	100	0.32%
7	DCM	100	0.42%
8	DGC	100	1.27%
9	DGW	100	0.69%
10	DIG	200	0.52%
11	DPM	100	0.42%
12	DXG	300	0.47%
13	EIB	700	1.52%
14	EVF	200	0.27%
15	FPT	600	9.04%
16	FRT	100	2.03%
17	GAS	100	0.95%
18	GEX	300	0.74%
19	GMD	100	0.91%
20	GVR	100	0.38%
21	HAG	300	0.36%

22	HCM	200	0.60%
23	HDB	1,000	3.01%
24	HDG	100	0.31%
25	HHV	200	0.26%
26	HPG	1,600	4.72%
27	HSG	200	0.48%
28	KBC	300	0.88%
29	KDC	100	0.64%
30	KDH	200	0.83%
31	LPB	1,100	3.68%
32	MBB	1,300	3.56%
33	MSB	800	1.34%
34	MSN	300	2.61%
35	MWG	500	3.87%
36	NKG	100	0.24%
37	NLG	100	0.45%
38	NVL	600	0.78%
39	OCB	500	0.84%
40	PAN	100	0.26%
41	PCI	100	0.33%
42	PDR	200	0.42%
43	PLX	100	0.57%
44	PNJ	100	1.13%
45	POW	300	0.47%
46	PVD	100	0.31%
47	PVT	100	0.33%
48	REE	100	0.79%
49	SAB	100	0.63%
50	SBT	200	0.30%
51	SHB	1,400	1.71%
52	SSB	700	1.73%
53	SSI	500	1.84%
54	STB	900	3.05%
55	TCB	2,100	5.12%
56	TCH	200	0.39%
57	TPB	500	1.00%
58	VCB	300	3.12%
59	VCG	200	0.43%
60	VCI	100	0.53%
61	VHC	100	0.80%
62	VHM	600	2.53%
63	VIB	500	1.19%
64	VIC	500	2.36%

0270
CÔ
T
ỘT TH
N LÝ
CHỨNG
I.
TRU

65	VIX	300	0.40%
66	VJC	100	1.19%
67	VND	500	0.85%
68	VNM	400	3.43%
69	VPB	2,200	4.64%
70	VRE	400	0.81%
II.	Tiền/Cash (VND)	52,580,817	

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/

Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND)	861,266,000
Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit: (VND)	913,846,817
Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND)	52,580,817

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	23,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	46,650	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	129,700	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	78,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	23,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	66,700	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	97,400	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	67,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	21,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	17,250	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	18,150	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	14,700	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

78
TY
H VI
ĐÁ
HOÀI
- TP

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

This information was disclose on Company/Funds Portal at: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

Đại diện tổ chức/Organization Representative
Người được ủy quyền công bố thông tin/Persons Authorized to Disclose Information
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) (Signature, full name and seal - if any)



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thúy Lan

